

Số: 09 /2018/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2018 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Ninh Bình; Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng; hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền khen thưởng, trao thưởng; hồ sơ thủ tục, thời gian xét đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học và Công nghệ, Hội đồng Sáng kiến các cấp; Quỹ thi đua, khen thưởng; quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với:

a) Các tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân không thường trực (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) đạt nhiều thành tích trong các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh;

b) Công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích và công lao đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, các hoạt động an sinh xã hội và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

c) Tổ chức, cá nhân thuộc các cấp chính quyền ở tỉnh có thẩm quyền quyết định khen thưởng và các tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

d) Đối với những phong trào thi đua do các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động theo ngành dọc đến các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và có đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai ký kết chương trình phối hợp, đồng thời bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương có đề nghị UBND tỉnh xem xét khen thưởng.

2. Quy chế này không áp dụng

a) Đối với việc xét khen thưởng thường xuyên: danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang chính quy và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trừ các cơ quan, đơn vị tham gia vào Khối thi đua do UBND tỉnh thành lập. Khối thi đua do UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập chỉ xét tặng Cờ thi đua);

b) Đối với việc xét, khen thưởng thành tích xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể các cấp hoặc thành tích trong các cuộc thi, phong trào thi đua, cuộc vận động do cơ quan Trung ương của các tổ chức này phát động và chủ trì thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

a) Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003;

b) Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và căn cứ vào thành tích đạt được của tập thể, cá nhân trong phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) và Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ);

b) Các trường hợp không xem xét khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Khen thưởng của UBND tỉnh đối với cá nhân phải đảm bảo tỷ lệ ít nhất 50% cá nhân được khen thưởng là công chức, viên chức, người lao động trực tiếp (không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý) trong tổng số cá nhân đề nghị UBND tỉnh khen thưởng.

Các tập thể, cá nhân trong năm đã được tặng thưởng các hình thức khen thưởng cấp nhà nước thì năm tiếp theo liền kề không xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề.

Chương II
HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA;
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA;
HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1
HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 5. Đăng ký thi đua (đối với thi đua thường xuyên)

1. Hàng năm, trong tháng 01 các cơ quan, đơn vị, địa phương, Khối thi đua tổ chức phát động phong trào thi đua, triển khai đăng ký, ký kết giao ước thi đua trong cơ quan, đơn vị, địa phương và Khối thi đua (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo tiến hành vào đầu năm học) đảm bảo các nội dung sau:

a) Xác định nội dung, chỉ tiêu thi đua đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và của Khối thi đua;

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chính phủ;

c) Đối với Khối trưởng các Khối thi đua do UBND tỉnh quyết định thành lập và các Khối thi đua do UBND tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập có trách nhiệm tổng hợp, đăng ký thi đua, khen thưởng cho các đơn vị thành viên trong Khối theo quy định;

d) Bản đăng ký thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các Khối thi đua gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 02 hàng năm; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Khối thi đua nếu không đăng ký thi đua thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Các danh hiệu thi đua, đối tượng được công nhận các danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức; công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

a) Được xét tặng cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ;

b) Các sáng kiến, đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh được sử dụng để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” có giá trị xét khen thưởng trong thời gian không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định hoặc văn bản nghiệm thu, công nhận của cơ quan có thẩm quyền tính đến thời điểm đề nghị xét tặng danh hiệu. Sáng kiến, đề tài chỉ được sử dụng 01 lần để đề nghị xét tặng một hình thức khen thưởng hoặc 01 danh hiệu thi đua.

4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

a) Được xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau: Phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể và tương đương ở cấp tỉnh; Phòng, ban, đơn vị, đoàn thể và tương đương ở cấp huyện; Các tổ chức, đoàn thể, thôn, xóm, phố và tương đương ở cấp xã; Các tập thể nhỏ (là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở trong các ban, chi cục, trung tâm trực thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp quản lý...);

b) Tập thể được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” quy định tại Điểm a Khoản này phải đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

6. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho 01 đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của mỗi Khối thi đua do UBND tỉnh thành lập hoặc UBND tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và đạt các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

a) Đối với khen thưởng thường xuyên: Được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Đối với khen thưởng theo chuyên đề: Được xét tặng cho các tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu nhất dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết; tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng theo hướng dẫn của Trung ương.

Điều 7. Đối tượng xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh Ninh Bình

1. Các Khối thi đua do UBND tỉnh quyết định thành lập.

2. UBND tỉnh uỷ quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thành lập gồm các Khối thi đua sau:

a) Khối thi đua các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh quản lý (trừ những trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này), gồm: những cơ quan, đơn vị có từ 05 đến 10 phòng, ban, đơn vị trực thuộc, mỗi cơ quan, đơn vị được thành lập 01 Khối thi đua; những cơ quan, đơn vị có từ 11 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở lên, mỗi cơ quan, đơn vị được thành lập 02 Khối thi đua; những cơ quan, đơn vị có từ 04 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở xuống thực hiện việc ghép các cơ quan, đơn vị để thành lập Khối thi đua;

b) Khối thi đua các phòng, ban, trung tâm và tương đương thuộc các huyện, thành phố do các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. UBND tỉnh uỷ quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định thành lập các Khối thi đua thuộc địa phương quản lý, gồm: Khối thi đua các xã, phường, thị trấn trên địa bàn; Khối thi đua các Trường Mầm non; Khối thi đua các Trường Tiểu học và Khối thi đua các Trường Trung học cơ sở thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

4. Riêng các cơ quan, đơn vị do tính chất đặc thù, UBND tỉnh uỷ quyền cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể quyết định thành lập Khối thi đua và xét tặng Cờ cho đơn vị dẫn đầu Khối như sau:

a) Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ được thành lập 03 Khối thi đua, gồm: Khối Ban Tuyên giáo các huyện, thành phố; Khối Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố và Khối các Phòng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;

b) Sở Văn hóa và Thể thao được thành lập 03 Khối thi đua, gồm: Khối phòng Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thành phố; Khối các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và Khối các Phòng thuộc Sở;

c) Sở Lao động, Thương và Xã hội được thành lập 04 Khối thi đua, gồm: Khối phòng Lao động - Thương và Xã hội các huyện, thành phố; Khối các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và Khối các Phòng thuộc Sở; Khối các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố;

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được thành lập 03 Khối thi đua, gồm: Khối Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố; Khối các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và Khối các Phòng thuộc Sở;

đ) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được thành lập 04 Khối thi đua, gồm: Khối Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thành phố; Khối các phòng, ban thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Khối lực lượng dân quân các xã, phường, thị trấn và Khối lực lượng tự vệ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

e) Sở Y tế được thành lập 04 Khối thi đua, gồm: Khối các Bệnh viện tuyến tỉnh; Khối các Trung tâm, Chi cục tuyến tỉnh; Khối các Trung tâm y tế và Bệnh viện tuyến huyện; Khối các Phòng thuộc Sở;

g) Sở Giáo dục và Đào tạo được thành lập 04 Khối thi đua, gồm: 02 Khối các Trường THPT; Khối Phòng Giáo dục các huyện, thành phố và Khối các Phòng thuộc Sở;

h) Công an tỉnh được thành lập 05 Khối thi đua, gồm: Khối Công an các huyện, thành phố; Khối các phòng, ban thuộc Công an tỉnh và Khối Công an phường, thị trấn, đồn, trạm (nơi bố trí công an chính quy); Khối xã, thị trấn (nơi không bố trí công an chính quy) và Khối cơ quan, doanh nghiệp, trường học;

i) Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh thành lập và quản lý Khối thi đua các Doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp của tỉnh;

k) Liên minh Hợp tác xã tỉnh thành lập và quản lý 03 Khối thi đua gồm: Khối thi đua các phòng, đơn vị trực thuộc, Khối thi đua các Hợp tác xã nông nghiệp và Khối thi đua các Hợp tác xã phi nông nghiệp;

l) Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh thành lập và quản lý 05 Khối thi đua các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

Mục 3

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 8. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, khen thưởng quá trình cống hiến và chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình cống hiến

1. Khen thưởng cấp Nhà nước

a) Đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng Huân chương các loại (gồm có: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập các hạng, Huân chương Lao động các hạng, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm); danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động và Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33; Khoản 1, 2 Điều 34; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 42; Khoản 1 Điều 45; Điều 49, 50; Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 70 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và các Khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 19, 20, 30, 31, 37, 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, các Điều 11, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 31, 32 và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Đối với việc xét tặng các danh hiệu, giải thưởng: Danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”; “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ quy định việc xét tặng các danh hiệu, giải thưởng này.

2. Khen thưởng quá trình cống hiến và chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình cống hiến: Thực hiện theo quy định tại Khoản 12, 13, 14, 18, 19, 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; các Điều 41, Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất: Được xét tặng cho các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác (là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch, nhiệm vụ được giao) thể hiện sự mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, trách nhiệm cao vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm, cứu người, bảo vệ tài sản của nhà nước, nhân dân; trong phòng, chống hoả hoạn, thiên tai, dịch hoặ; trong tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng hay thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng khác.

2. Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi và có thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, thi giáo viên, giảng viên giỏi như sau:

a) Học sinh các cấp học, sinh viên các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh tham gia các đoàn dự thi của tỉnh, của Quốc gia và đoạt giải trong các kỳ thi Quốc tế hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba và tương đương trong các kỳ thi Quốc gia hoặc đoạt giải nhất và tương đương khu vực trong nước tại các kỳ thi, cuộc thi do Bộ Giáo dục Đào tạo quy định cho các cấp học và trong các cuộc thi, các giải thưởng thuộc các lĩnh vực kinh tế - văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, khoa học - công nghệ (sau đây gọi tắt là cuộc thi, giải thưởng) do UBND tỉnh tổ chức hoặc uỷ quyền cho một cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tổ chức;

b) Giáo viên, giảng viên của tỉnh trực tiếp giảng dạy bộ môn có học sinh, sinh viên đoạt giải trong các kỳ Quốc gia và Quốc tế quy định tại Điểm a Khoản này (trường hợp có nhiều giáo viên, giảng viên cùng tham gia giảng dạy học sinh, sinh viên đoạt giải thì đơn vị trình khen thưởng phải có biên bản bình xét, lựa chọn 01 giáo viên, giảng viên có đóng góp xứng đáng nhất); Giáo viên, giảng viên của tỉnh đạt danh hiệu giáo viên, giảng viên giỏi, xuất sắc tại các Hội thi giáo viên, giảng viên giỏi cấp quốc gia do Bộ, ngành Trung ương tổ chức;

c) Tập thể, diễn viên đoạt giải Quốc tế hoặc đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các Hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc, đoạt Huy chương Vàng giải khu vực trong nước và tương đương hoặc đoạt giải nhất trong các cuộc thi, hội thi, giải thưởng do UBND tỉnh tổ chức hoặc uỷ quyền cho một cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tổ chức;

d) Tác giả (đồng tác giả), đạo diễn, biên đạo có tác phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật (văn, thơ, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, nhiếp ảnh, nghiên cứu sưu tầm văn nghệ dân gian, lý luận phê bình, dịch thuật) đoạt giải Quốc tế hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba và tương đương trong các cuộc thi, hội thi chuyên ngành cấp Quốc gia hoặc đoạt giải nhất khu vực và trong các cuộc thi, hội thi, giải thưởng do UBND tỉnh tổ chức hoặc uỷ quyền cho một cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tổ chức;

đ) Vận động viên các môn thể thao đoạt giải Quốc tế; đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và tương đương giải Quốc gia; đoạt Huy chương Vàng giải khu vực trong nước. Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đoạt giải nêu trên (trường hợp có nhiều Huấn luyện viên cùng tham gia huấn luyện vận động viên đoạt giải thì đơn vị trình khen thưởng phải có biên bản bình xét, lựa chọn 01 Huấn luyện viên có đóng góp xứng đáng nhất);

e) Cá nhân được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng “Lao động sáng tạo”;

g) Việc khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc một số trường hợp đặc biệt như sau:

- Nếu nhóm cá nhân hoặc đồng tác giả đoạt 01 giải thưởng theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này thì áp dụng mức thưởng của tập thể cho giải thưởng đó;

- Đối với các trường hợp thuộc đối tượng được khen thưởng quy định tại Khoản này, trong một năm nếu đạt được nhiều giải thưởng tại cuộc thi cấp tỉnh, khu vực trong nước, cấp Quốc gia, Quốc tế thì UBND tỉnh chỉ xét tặng 01 Bằng khen cho thành tích cao nhất ở mỗi cấp;

- UBND tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 03 tập thể và 05 cá nhân có thành tích trong việc tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức các cuộc thi, kỳ thi, xét tặng các giải thưởng của tỉnh. Cơ quan thường trực của các kỳ thi, cuộc thi, xét tặng giải thưởng chịu trách nhiệm xét trình khen thưởng theo quy định. Trường hợp các giải thưởng tổ chức thường niên thì 02 năm mới xét khen thưởng một lần.

3. Khen đối ngoại

Các cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh; cá nhân, tổ chức người nước ngoài; người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, các hoạt động an sinh xã hội và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

4. Khen thưởng cho các tập thể là thành viên thuộc các Khối thi đua do UBND tỉnh thành lập.

5. Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt); khen thưởng tổng kết nhiệm kỳ Đại hội của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp như sau:

a) Thi đua theo chuyên đề được tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh do UBND tỉnh phát động hoặc giao cho cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trực tiếp tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức phát động thi đua ở một ngành, lĩnh vực, trong đó có quy định việc khen thưởng thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng



để xây dựng chương trình, kế hoạch và xét chọn tập thể, cá nhân có thành tích trình UBND tỉnh khen thưởng theo số lượng quy định vào dịp sơ kết, tổng kết phong trào thi đua. Số lượng khen thưởng không quá 10 tập thể và 10 cá nhân;

b) Khi tổng kết việc thực hiện Luật, Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch, Đề án theo chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và đề xuất của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề thì các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh về cơ cấu, số lượng khen thưởng để UBND tỉnh xem xét khen thưởng theo quy định. Số lượng khen thưởng không quá 10 tập thể và 10 cá nhân;

c) Các phong trào thi đua do Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh chủ trì phát động, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

- 02 năm một lần, Hội Nông dân tỉnh có trách nhiệm lựa chọn ở mỗi xã, phường, thị trấn (có tổ chức Hội Nông dân) 01 nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong số nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh để khen thưởng vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam;

- 02 năm một lần, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh có trách nhiệm lựa chọn ở mỗi xã, phường, thị trấn 01 hội viên phụ nữ có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất để khen thưởng vào dịp kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam;

- Hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh có trách nhiệm lựa chọn 50 công nhân lao động là các điển hình tiên tiến tiêu biểu, xuất sắc trực tiếp lao động, sản xuất trong các doanh nghiệp trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh khen thưởng;

- Hàng năm, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh có trách nhiệm lựa chọn 09 tập thể là tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp cơ sở và 80 cá nhân là đoàn viên, thanh niên, thiếu niên thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp cơ sở, có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” để trình UBND tỉnh khen thưởng vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

d) Đối với các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khi tổng kết nhiệm kỳ Đại hội, UBND tỉnh căn cứ thành tích cụ thể trong nhiệm kỳ Đại hội để xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu. Số lượng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

6. Đối với khen thưởng thành tích thường xuyên (khen thưởng theo công trạng)

a) Khen thưởng cho tập thể có 02 năm liên tục trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

b) Khen thưởng cho cá nhân:

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương trong các cơ quan, đơn vị, địa phương có 02 năm liên tục trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Công nhân, nông dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động hoặc lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Khen thưởng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

7. Đối với doanh nghiệp, doanh nhân

a) Tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững;

b) Chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về tài chính, thuế và các khoản thu ngân sách theo quy định của pháp luật;

c) Đảm bảo đời sống, việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động;

d) Thực hiện tốt công tác đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về sở hữu trí tuệ;

đ) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

e) Tích cực tham gia đóng góp các quỹ xã hội, từ thiện nhân đạo, tham gia các phong trào do địa phương nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn phát động;

g) Doanh nghiệp đề nghị khen thưởng phải có thời gian hoạt động theo quy định của pháp luật từ 02 năm liên tục trở lên (tính đến năm xét khen thưởng).

Điều 10. Giấy khen

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc xét tặng Giấy khen theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG; HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 11. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước của chủ tịch nước; Cờ thi đua của Chính phủ; danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng

khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen cho các tập thể, cá nhân.

3. Trưởng các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh uỷ; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Thường vụ các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Điều lệ hoạt động, hướng dẫn của các tổ chức này và của cơ quan Trung ương.

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tặng thưởng giấy khen; danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”; ngoài ra Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tặng thưởng danh hiệu “Thôn, làng, xóm, bản, tổ dân phố văn hoá” và tương đương.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hoá” cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình thuộc địa phương quản lý.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm xét, trình khen thưởng

1. UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến trước khi UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý khi đề nghị phong tặng (hoặc truy tặng) danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”; danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”; Huân chương các loại (trừ Huân chương kháng chiến) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với cá nhân thuộc Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý).

2. UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến trước khi UBND tỉnh ban hành văn bản:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng (hoặc truy tặng) danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều Liệt sỹ hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc;

b) Hiệp y theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình cấp có thẩm quyền tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nêu tại Khoản 1 Điều này cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Xét duyệt, cho ý kiến trước khi tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến đối với các trường hợp đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Xét duyệt, cho ý kiến trước khi tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý;

c) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, ban hành văn bản hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan trung ương đóng trên địa bàn và các cơ quan, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo đề nghị của các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương để xét tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng, cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chịu trách nhiệm:

a) Thẩm định hồ sơ khen thưởng để báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi trình UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Thẩm định, trình UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến trước khi UBND tỉnh ban hành văn bản trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng cho các cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi UBND tỉnh: Trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng cho các tập thể cá nhân quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này; ban hành văn bản hiệp y khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

d) Tham mưu trực tiếp cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

đ) Thẩm định hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh để trình UBND tỉnh khen thưởng theo quy định;

e) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thủ tục, hồ sơ, thời gian trình khen của các cấp, các ngành và tổ chức khác trong và ngoài tỉnh khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng đảm bảo đúng tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của cấp trên có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng.



Điều 13. Tổ chức trao thưởng

Việc tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và của tỉnh.

Điều 14. Tuyển trình khen thưởng và hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước, khen thưởng quá trình công hiến quy định tại Điều 8 Quy chế này thực hiện theo quy định tại các Điều 45, 49, 51, 52, 53, 55, 56 và Điều 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Hồ sơ trình khen thưởng của Thủ tướng các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, trình khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 3 Điều này. Riêng việc đề nghị khen thưởng quá trình công hiến cho cá nhân có đủ điều kiện tiêu chuẩn, hồ sơ gồm: Các văn bản quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 3 Điều này; đơn đề nghị khen thưởng quá trình công hiến của cá nhân; bản kê khai quá trình công tác theo mẫu số 03 tại Phụ lục một số mẫu văn bản áp dụng trong hồ sơ thủ tục khen thưởng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng là 05 bộ bản chính;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có đầy đủ các văn bản, giấy tờ để chứng nhận thành tích tương ứng với mỗi loại hình danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, các Điều 11, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 31, 32 và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và Cờ thi đua Chính phủ nộp 03 bộ bản chính (đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân là Thủ tướng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh nộp 04 bộ); đề nghị xét tặng Huân chương các loại, các hạng nộp 04 bộ bản chính (đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân là Thủ tướng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh nộp 05 bộ);

3. Hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ được tiếp nhận khi có đủ các thành phần theo quy định, gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của Thủ tướng cơ quan, đơn vị, địa phương và Trưởng các khối thi đua của tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương (ghi rõ kết quả bỏ phiếu kín), của Khối thi đua (kèm theo kết quả chấm điểm).

d) Đối với tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” phải có bản photo Giấy chứng nhận hoặc Quyết định khen thưởng đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; đề nghị xét tặng Bằng khen phải có văn bản hoặc Quyết định công nhận 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính đến thời điểm trình khen thưởng) của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” phải có bản photo Quyết định hoặc Giấy chứng nhận 03 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” và Giấy chứng nhận sáng kiến, đề tài khoa học từ cấp tỉnh trở lên đã được nghiệm thu; đề nghị xét tặng Bằng khen phải có văn bản hoặc Quyết định công nhận 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính đến thời điểm trình khen thưởng) và bản photo Giấy chứng nhận hoặc Quyết định công nhận có 02 sáng kiến cấp cơ sở được áp dụng hiệu quả tại cơ quan, đơn vị cho cá nhân của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng đột xuất gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân ghi rõ hành động, thành tích, công trạng do cấp trình khen thưởng viết và xác nhận;

Lưu ý: Đối với học sinh, sinh viên, vận động viên, tác giả (đồng tác giả), biên đạo, đạo diễn, diễn viên phải kèm theo hồ sơ bản sao Giấy chứng nhận đoạt giải tại các Cuộc thi hoặc trưng dương cấp tỉnh; cấp Quốc gia, Quốc tế.

5. Hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương do các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định cụ thể đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

6. Đối với các Khối thi đua do UBND tỉnh uỷ quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì trong việc chỉ đạo phong trào thi đua, hướng dẫn và bình xét khen thưởng cho các tập thể thuộc Khối, thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phải có trách nhiệm trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc uỷ quyền cho Trưởng khối trình UBND tỉnh khen thưởng nhưng phải có văn bản hiệp ý và ký xác nhận vào báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của các tập thể, cá nhân theo quy định. Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn các huyện, thành phố và các doanh nhân nếu được các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đề nghị khen thưởng phải có xác nhận của UBND các huyện, thành phố về việc chấp hành chính sách pháp luật của doanh nghiệp.

Điều 15. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng

1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 01 hàng năm; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Khen thưởng danh

hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và khen thưởng thành tích kháng chiến thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Khen thưởng quá trình công hiến hồ sơ gửi về trước khi cá nhân nghỉ chế độ 06 tháng.

2. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 01 hàng năm; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các trường hợp đề nghị khen thưởng theo chuyên đề gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày; trường hợp khen thưởng đột xuất thì cơ quan, đơn vị, địa phương phải hoàn thiện hồ sơ trình khen thưởng kịp thời;

Số lượng phân bổ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên thực hiện theo quy định tại các Phụ lục đính kèm (từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 06).

3. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng: Cơ quan, đơn vị, địa phương nào trình khen thưởng phải có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị địa phương mình theo đúng quy định của pháp luật về công tác Văn thư - Lưu trữ.

Điều 16. Thời gian thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước khen thưởng

1. Khen thưởng tổng kết công tác hàng năm và khen thưởng theo chuyên đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước:

a) Trước khi trình UBND tỉnh đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng phải niêm yết công khai các trường hợp đề nghị khen thưởng 07 ngày tại cơ quan, đơn vị, địa phương để lấy ý kiến công dân;

b) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng tại Khoản này; sau khi kết thúc thời gian xin ý kiến (trong thời hạn 07 ngày làm việc), Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Quy định chung về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) được thành lập từ tỉnh đến cơ sở, để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hưởng ứng, phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức các cuộc họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì; trường hợp thành viên Hội đồng không tham dự được cuộc họp phải xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng và phải có trách nhiệm bỏ phiếu kín gửi về cơ quan Thường trực của Hội đồng để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

c) Các tập thể, cá nhân được đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng phải đảm bảo tỷ lệ số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng như sau:

- Khen thưởng của Chủ tịch nước đạt tỷ lệ từ 90% trở lên;
- Khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ đạt tỷ lệ từ 80% trở lên, riêng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” đạt tỷ lệ từ 90% trở lên;
- Khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh đạt tỷ lệ từ 70% trở lên, riêng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” đạt tỷ lệ từ 90% trở lên.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Là tổ chức tham mưu cho Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập;

b) Thành phần Hội đồng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 63 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Là tổ chức tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thành lập;

b) Hội đồng có số lượng tối đa không quá 11 thành viên, thành phần tham gia Hội đồng do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các huyện, thành phố

a) Là tổ chức tham mưu cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền, do Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập;

b) Hội đồng có số lượng tối đa không quá 15 thành viên, thành phần tham gia Hội đồng do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định.

c) Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng;

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

- a) Là tổ chức tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền, do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập;
- b) Hội đồng có số lượng tối đa không quá 11 thành viên, thành phần tham gia Hội đồng do Chủ tịch UBND xã quyết định.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã

- a) Là tổ chức tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng, thuộc thẩm quyền, do lãnh đạo đơn vị quyết định thành lập;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng do lãnh đạo đơn vị quyết định.

7. Trách nhiệm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức phát động và xây dựng các phong trào thi đua yêu nước trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

đ) Quan tâm, đẩy mạnh việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo trong phong trào thi đua yêu nước của cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Hội đồng Khoa học và Công nghệ, Hội đồng sáng kiến các cấp

Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ, Hội đồng sáng kiến các cấp hoạt động theo Quy chế và quy định của pháp luật do UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn thực hiện.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN; XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 19. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích quỹ, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 66, Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

2. Mức tiền thưởng tương ứng với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Quyền lợi của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Quyền của cá nhân và tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 76 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ngoài quyền quy định đối với cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này thì đối với cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

Việc xử lý vi phạm quy định về thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 96, Điều 97 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 78, Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật.

Điều 23. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Điều 98 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua; động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tham gia có hiệu quả phong trào thi đua và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng qua đó kịp thời đề xuất các giải pháp để tổ chức thực hiện.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ, Hội đồng sáng kiến các cấp.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời chủ trì và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

6. Các Khối thi đua trong toàn tỉnh có trách nhiệm phát động phong trào thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng theo Quy chế hoạt động của các Khối thi đua và Quy chế này.

7. Tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu giúp việc cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua, công tác thi đua và khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các cơ quan thông tin đại chúng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng kết quả các phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Triển khai tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan có trách nhiệm:

a) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quy chế;

b) Kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này;

c) Tổng hợp báo cáo định kỳ, thường xuyên và đột xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Nội vụ triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này và những quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điền

**DANH SÁCH CÁC KHỐI THI ĐUA VÀ
XÉT TẶNG CỜ THI ĐUA HÀNG NĂM**

(Kèm theo QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Stt	Các cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và ngành dọc	Số Khối được thành lập	Số lượng Cờ được xét tặng
1	Ban Nội chính Tỉnh ủy Ninh Bình	03 phòng	02	02
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	04 phòng		
3	Ban Dân vận Tỉnh ủy Ninh Bình	04 phòng		
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Ninh Bình	04 phòng	01	01
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình	04 phòng		
6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình	05 phòng	01	01
7	Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh	05 phòng	01	01
8	Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh	05 phòng	01	01
9	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình	06 phòng, 01 đơn vị trực thuộc	01	01
10	Liên minh HTX tỉnh Ninh Bình	03 phòng, 02 đơn vị trực thuộc	01	01
11	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình	05 phòng	01	01
12	Văn phòng Tỉnh ủy Ninh Bình	07 phòng	01	01
13	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	07 phòng	01	01
14	Báo Ninh Bình	09 phòng	01	01
15	Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình	07 phòng, 02 đơn vị trực thuộc	01	01
16	Sở Khoa học và Công nghệ	07 phòng, 03 đơn vị trực thuộc	01	01
17	Sở Thông tin và Truyền thông	06 phòng, 01 đơn vị trực thuộc	01	01
18	Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình	05 phòng, 02 đơn vị trực thuộc	01	01

Stt	Các cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và ngành dọc	Số Khối được thành lập	Số lượng Cờ được xét tặng
19	Ban Dân vận Tỉnh uỷ Ninh Bình	08 đơn vị cấp huyện	01	01
20	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	
21	Liên đoàn Lao động tỉnh	08 đơn vị cấp huyện và Công đoàn ngành trực thuộc	01	01
22	Cục Thống kê tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
23	Cục Thuế tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
24	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Các phòng, đơn vị trực thuộc	01	01
25	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
26	Hội Khuyến học tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
27	Hội Người cao tuổi tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
28	Liên đoàn Cầu lông tỉnh	32 Câu lạc bộ	01	01
29	Liên đoàn Quần vợt tỉnh	34 Câu lạc bộ	01	01
30	Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
31	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	12 phòng	02	02
32	Sở Công thương tỉnh Ninh Bình	08 phòng, 03 đơn vị trực thuộc	02	02
33	Trường Đại học Hoa Lu	19 phòng, khoa, trung tâm	02	02
34	Sở Giao thông vận tải	06 phòng, 11 đơn vị trực thuộc	02	02
35	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10 phòng, 01 trung tâm	02	02
36	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Ninh Bình	05 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
37	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Ninh Bình	07 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
		08 Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện	01	01
38	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ Ninh Bình	05 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
39	Hội Cựu chiến binh tỉnh Ninh Bình	05 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01

Stt	Các cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và ngành dọc	Số Khối được thành lập	Số lượng Cờ được xét tặng
40	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	06 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
41	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Ninh Bình	06 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
42	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh	08 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
43	Hội Nông dân tỉnh Ninh Bình	06 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
44	Đài Phát thanh và Truyền hình	09 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
45	Thanh tra tỉnh Ninh Bình	05 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
46	Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình	09 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
47	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình	09 phòng	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
48	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình	09 phòng	01	01
		Các Trung tâm, Chi cục trực thuộc	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
		Các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện	01	01
49	Sở Văn hóa và Thể thao	08 phòng	01	01
		Các Trung tâm trực thuộc	01	01
		Khối Phòng Văn hoá - Thông tin và Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thành phố	01	01
50	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình	07 phòng	01	01
		Các Trung tâm, Chi cục trực thuộc	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
51	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình	06 phòng	01	01
		Các Trung tâm, Chi cục trực thuộc	01	01
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
52	Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình	11 phòng	02	02
		08 đơn vị cấp huyện	01	01

Stt	Các cơ quan, đơn vị	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và ngành dọc	Số Khối được thành lập	Số lượng Cờ được xét tặng
53	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
		Các Phòng thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	01	01
		Lực lượng dân quân các xã, phường, thị trấn	01	01
		Lực lượng tự vệ các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp	01	01
54	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình	10 phòng	01	01
		27 Trường THPT	02	02
		08 đơn vị cấp huyện	01	01
55	Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	07 phòng	01	01
		Các Bệnh viện tuyến tỉnh	01	01
		Các Trung tâm Y tế và Bệnh viện tuyến huyện	01	01
		Các Trung tâm, Chi cục tuyến tỉnh	01	01
56	Công an tỉnh	08 đơn vị cấp huyện	01	01
		Các phòng, ban thuộc Công an tỉnh	01	01
		Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí công an chính quy)	01	01
		Công an phường, thị trấn, đồn, trạm (nơi bố trí công an chính quy)	01	01
		Cơ quan, doanh nghiệp, trường học	01	01
57	UBND các huyện, thành phố	Các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố	08	08
		Các Trường Mầm non thuộc huyện, thành phố	08	08
		Các Trường Tiểu học thuộc huyện, thành phố	08	08
		Các Trường THCS thuộc huyện, thành phố	08	08
58	Các Khối thi đua do UBND tỉnh thành lập		16	16
59	05 Khối Thi đua các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (do Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh quản lý)		05	05
	Tổng cộng		149	149

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XÉT TẶNG
BẢNG KHEN CHO CÁC KHỐI THI ĐUA DO UBND TỈNH THÀNH LẬP**



Stt	Các Khối thi đua	Số đơn vị thành viên	Số lượng khen thưởng (tối đa)
1	Khối các huyện, thành phố	08	03
2	Khối các Sở, ban, ngành tham mưu và Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội	07	02
3	Khối các cơ quan tham mưu, tổng hợp	07	02
4	Khối các cơ quan Nội chính	10	04
5	Khối các Trường Đại học, Cao đẳng	05	01
6	Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	06	02
7	Khối các cơ quan Đảng	11	04
8	Khối các Sở, ban, ngành Tham mưu và Quản lý nhà nước về kinh tế, kỹ thuật	14	05
9	Khối Ngân hàng - Bảo hiểm	14	05
10	Khối các Doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	14	05
11	Khối các Doanh nghiệp địa phương quản lý	15	05
12	Khối các Hội có tính chất đặc thù	13	04
13	Khối các tổ chức xã hội khác	13	04
14	Khối các Hợp tác xã Phi Nông nghiệp	43	08
15	Khối các Hợp tác xã Nông nghiệp	252	15
16	Khối thi đua các Doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp của tỉnh	39	20
17	05 Khối Thi đua các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (do Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh quản lý)	625	50

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC”,
“ĐƠN VỊ QUYẾT THẮNG” VÀ BẰNG KHEN CHO TẬP THỂ**



STT	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương	Số lượng Danh hiệu TTLĐXS, ĐVQT	Số lượng Bằng khen tập thể
I	Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh (gọi tắt là cơ quan, đơn vị)		
1	<p>1. Đối với các cơ quan, đơn vị có từ 03 đến 04 phòng, ban, đơn vị trực thuộc thì bình xét khen thưởng theo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Đối với cơ quan, đơn vị có 03 phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu năm đó được đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua xuất sắc thì chỉ xét tặng thêm 01 Bằng khen trong số các phòng còn lại. - Trường hợp trong năm không có phòng nào được đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua xuất sắc thì được xét tặng 01 Bằng khen và 01 Tập thể lao động xuất sắc. Nếu năm trước đề nghị khen thưởng 02 phòng thì năm sau chỉ được đề nghị khen thưởng cho 01 phòng. <p>b) Đối với cơ quan, đơn vị có 04 phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu năm đó được đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua xuất sắc thì chỉ xét tặng thêm 01 Bằng khen trong số các phòng còn lại. - Trường hợp năm đó không được đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua xuất sắc thì chỉ xét tặng 01 Bằng khen và 01 danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. <p>2. Đối với các cơ quan, đơn vị có từ 05 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở lên thì bình xét khen thưởng theo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu: Cờ thi đua, Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của UBND tỉnh không vượt quá 50% tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Ngoài tập thể được tặng Cờ thi đua, chỉ tiêu khen thưởng còn lại chia đều cho danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của UBND tỉnh cho số phòng đủ điều kiện khen thưởng. - Các cơ quan, đơn vị có số phòng, ban, đơn vị trực thuộc là số lẻ, nếu năm trước đề nghị khen thưởng quá 50% số phòng thì năm sau phải đề nghị khen thưởng dưới 50% số phòng theo hướng làm tròn. 		
II	Đối với các huyện, thành phố		
1	Huyện Hoa Lư, Thành phố Tam Điệp	06	08
2	Huyện Yên Mô và TP.Ninh Bình	08	10
3	Huyện Yên Khánh và huyện Gia Viễn	09	11
4	Huyện Kim Sơn, Nho Quan	10	15
III	Đối với Lực lượng vũ trang		
1	Lực lượng Quân sự chính quy thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	0	10
	Lực lượng Quân sự không chính quy do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bình xét	10	15

STT	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương	Số lượng Danh hiệu TTLĐXS, ĐVQT	Số lượng Bằng khen tập thể
2	Lực lượng Công an chính quy thuộc Công an tỉnh	0	10
	Lực lượng Công an không chính quy do Công an tỉnh bình xét	15	15
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	0	8
IV	Đối với các Doanh nghiệp tham gia Khôi thi đua của tỉnh		
1	Các doanh nghiệp thành viên (thuộc Khối thi đua các doanh nghiệp do tỉnh quản lý)	06	
2	Các Doanh nghiệp căn cứ vào số phòng, ban tương đương tại mục I để các doanh nghiệp làm căn cứ bình xét khen thưởng, số lượng được xét tặng Bằng khen tối đa không quá 07 tập thể.		
V	Đối với các cơ quan, trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Số lượng Bằng khen đề nghị UBND tỉnh khen thưởng cho tập thể không quá 30% tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc.		

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG
XÉT TẶNG DANH HIỆU “CHIẾN SỸ THI ĐUA CẤP TỈNH”,



Stt	Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Số lượng (tối đa)
I	Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý	
1	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh	02
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	03
3	Sở Y tế	06
4	Các doanh nghiệp thành viên (thuộc Khối thi đua các doanh nghiệp do tỉnh quản lý)	03
II	Đối với các huyện, thành phố	
1	Huyện Hoa Lư và thành phố Tam Điệp	02
2	Các huyện: Yên Mô, Gia Viễn, Yên Khánh và thành phố Ninh Bình	03
3	Huyện Nho Quan và huyện Kim Sơn	04



**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XÉT TẶNG
BẰNG KHEN CHO CÁ NHÂN**

Phu lục số 05

Stt	Số lượng biên chế, lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng (tối đa)
I	Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (không áp dụng với Lực lượng vũ trang)	
1	Dưới 100 biên chế, lao động trở xuống được bình xét khen thưởng tối đa không quá 06 Bằng khen (bình quân 16 biên chế, lao động được xét tặng 01 Bằng khen).	06
2	Từ 101 đến dưới 300 biên chế, lao động cứ tăng 30 biên chế, lao động được bình xét khen thưởng tăng thêm 01 Bằng khen.	13
3	Từ 301 đến dưới 600 biên chế, lao động cứ tăng 45 biên chế, lao động được bình xét khen thưởng tăng thêm 01 Bằng khen.	20
4	Từ 601 đến dưới 1.000 biên chế, lao động cứ tăng 60 biên chế, lao động được bình xét khen thưởng khen thưởng tăng thêm 01 Bằng khen.	26
5	Từ 1001 biên chế, lao động trở lên cứ tăng 80 biên chế, lao động được bình xét khen thưởng khen thưởng tăng thêm 01 Bằng khen.	50
II	Đối với các huyện, thành phố	
1	Thành phố Tam Điệp	9
2	Huyện Hoa Lư	11
3	Thành phố Ninh Bình	13
4	Huyện Yên Mô	14
5	Huyện Yên Khánh	15
6	Huyện Gia Viễn	16
7	Huyện Nho Quan	18
8	Huyện Kim Sơn	18
III	Đối với Lực lượng vũ trang	
1	Lực lượng Công an chính quy thuộc Công an tỉnh	20
2	Lực lượng Công an không chính quy do Công an tỉnh bình xét	10
3	Lực lượng Quân sự chính quy thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	15
4	Lực lượng Quân sự không chính quy do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bình xét	10
5	Bộ đội biên phòng tỉnh	10
IV	Đối với các Doanh nghiệp tham gia Khổi thi đua của tỉnh: - Dưới 500 lao động được đề nghị khen thưởng không quá 10 bằng khen. Từ 500 lao động trở lên cứ tăng 100 lao động được xét tặng thêm 01 Bằng khen nhưng không quá 20 Bằng khen cho cá nhân. - Riêng Khổi thi đua các Doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp của tỉnh được xét, trình 50 cá nhân. - 05 Khổi Thi đua các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (do Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh quản lý) mỗi Khổi được tỉnh xét tặng 20 Bằng khen cho cá nhân.	

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG
XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Stt	Tên đơn vị/địa phương	Xếp hạng	Số lượng khen thưởng			
			Tập thể LĐXS	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	Bảng khen Chủ tịch UBND tỉnh	
					Tập thể	Cá nhân
1	Huyện Nho Quan Huyện Kim Sơn	Xếp: 1; 2	13	04	13	25
2		Xếp: 3; 4; 5	11	03	11	22
3		Xếp: 6; 7; 8	09	02	09	20
4	Huyện Gia Viễn, Huyện Yên Khánh, Huyện Yên Mô Thành phố Ninh Bình	Xếp: 1; 2	09	03	08	23
5		Xếp: 3; 4; 5	07	02	06	21
6		Xếp: 6; 7; 8	05	02	05	19
7	Huyện Hoa Lư Thành phố Tam Điệp	Xếp: 1; 2	05	02	05	13
8		Xếp: 3; 4; 5	04	02	03	12
9		Xếp: 6; 7; 8	03	01	03	11
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		09	06	08	22
11	Trường Đại học Hoa Lư		03	02	02	05
12	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình		02	02	02	05
13	Trường Cao đẳng nghề Lilama 1		00	00	02	03
14	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện xây dựng Việt Xô		00	00	02	04
15	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình		00	00	02	04

Ghi chú: Vị trí xếp hạng thi đua của các ngành Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện./.